UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ EA KAR**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 722/QĐ-UBND	*Ea Kar, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt dự án Trường Mầm Non Sơn Ca

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ EA KAR

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ngày 16/06/2025

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 254/2025/NĐ-CP, ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 về hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND, ngày 16/6/2026 của UBND xã Ea Kar về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Ea Kar;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND, ngày 06/7/2026 của UBND xã Ea Kar về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Thông báo Kết quả thẩm định số 254/2026/KQTĐ-KT, ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Ea Kar;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án ĐTXD xã Ea Kar tại Tờ trình số 83/TT-BQL, ngày 16 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trường Mầm Non Sơn Ca, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Trường Mầm Non Sơn Ca

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Nhóm dự án: Nhóm C
- Cấp công trình: Cấp III.

3. Mã định danh: Chưa khởi tạo

4. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Ea Kar

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ĐTXD xã Ea Kar

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập BCKTKT: Công ty TNHH TVTK&ĐTXD Phú Khang Gia; mã số doanh nghiệp 6001572427.

Nhà thầu thẩm tra thiết kế, dự toán: Công ty TNHH TVTK Gia Phúc; mã số doanh nghiệp: 6000458182

8. Mục tiêu dự án:

Trường Mầm Non Sơn Ca được thành lập đã lâu, sau khi sáp nhập quy mô học sinh và giáo viên tăng lên, Cơ sở vật chất nhà trường có ba phòng học đã xuống cấp nghiêm trọng cụ thể như; Nền lát gạch đã cũ, thấm dột, lớp sơn đã bong tróc, hệ thống cửa, cấp thoát nước xuống cấp;

Nhằm đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định của trường Mầm non Sơn Ca và đáp ứng nhu cầu học sinh và giáo viên tại đây, cần xây dựng các phòng học có chức năng bao gồm: Nhà lớp học 4 phòng, 2 tầng. Với nhu cầu thiết yếu hiện nay, việc đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên là rất cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất hình thành trường Mầm Non theo đúng quy định của ngành giáo dục trong tương lai.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô, cấp hạng kỹ thuật:

- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Cấp III.
- Quy mô công trình: Xây dựng mới nhà Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng.

9.2. Giải pháp thiết kế:

* Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng:

+ Nhà tiêu chuẩn cấp III, 2 tầng, diện tích xây dựng 319m2 (phủ bì mái); Chiều cao nhà 10,8m; Chiều rộng nhà 14,4mm; Chiều dài nhà 22m; Móng cột dầm

giằng sàn BTCT đá 1x2 mác 200; Xây tường gạch không nung 8x8x19 VXM mác 50; Trát tường VXM mác 50 dày 1,5mm; Nền lát gạch Ceramic 500x500; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, xà gồ thép C40x80x1.2 mạ kẽm; Trần mái tôn lạnh, đà trần sắt hộp 30x60x1; Tường ốp gạch bán xứ 300x600 cao 1,5m; nền WC lát gạch 300x300 chống trơn; Cửa đi, cửa sổ sắt kính cường lực 8mm sơn dầu; Cầu thang bậc cấp lát đá Granite; Tay vịn Inox D60,30; Thiết bị vệ sinh hoàn thiện, vách ngăn WC nhẹ Compact; Hệ thống cấp điện, cấp nước hoàn thiện.

* PCCC:

+ Báo cháy tự động: Trang bị hệ thống báo cháy tự động gồm trung tâm sử lý báo Fach 8 Zone, Đèn chỉ dẫn thoát nạn có nguồn dự phòng, đèn chiếu sáng sự cố, đầu báo khói, chuông báo cháy…

+ Chữa cháy: trang bị bình chữa cháy Mzf8, tiêu lệnh chữa cháy, nội quy chữa cháy.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 06:2022/BXD: An toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCXDVN 05:2008/BXD: Nhà ở và Công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe;
- TCVN 4319:2012: Nhà và công trình CC – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 3907 2022 Trường Mầm non - yêu cầu thiết kế;
- TCXDVN 333:2005 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình dân dụng;
- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-TCTK;
- TCVN 5574:2012 - Kết cấu bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong- tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957:2023: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – YC thiết kế;
- TCVN 13456:2022 - Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - yêu cầu thiết kế, lắp đặt;
- Và một số tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **3.500.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng)*. Trong đó:

Chi phí xây dựng:	3.115.911.000	đồng
Chi phí QLDA:	98.339.000	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư:	264.867.000	đồng
Chi phí khác:	19.086.000	đồng
Chi phí dự phòng:	1.797.000	đồng

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã;

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án ĐTXD xã Ea Kar

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không

16. Các nội dung khác: Không

Điều 2. Trưởng Phòng Kinh tế; Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD xã Ea Kar và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nội dung tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế; Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD xã Ea Kar và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Chuyền

BẢNG DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Kèm theo Quyết định số 722/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Ea Kar

CÔNG TRÌNH : TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
I	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**		**2.887.613.856**	**228.296.941**	**3.115.911.000**
1	*Chi phí xây dựng*	*Gxd.1*	*BDT*	*2.853.711.760*	*228.296.941*	*3.082.009.000*
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	*Gxd.2*	*BDT*	*33.902.096*	*0*	*33.902.000*
II	**Chi phí thiết bị**	**Gtb**				
III	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	(Gxd1 + Gtb)*3,446%	**98.338.907**		***98.339.000***
IV	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**		**245.247.989**	**19.619.011**	**264.867.000**
1	*Chi phí lập Báo cáo KTKT*	*Gtv.1*	*(Gxd+Gtb)x4,801%*	*137.006.702*	*10.960.298*	*147.967.000*
2	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*Gtv.2*	*Gxd x 3,285%*	*93.744.431*	*7.498.569*	*101.243.000*
4	*Chi phí thẩm tra BVTC*		*Gxd x 0,258%*	*7.362.576*	*588.424*	*7.951.000*
5	*Chi phí thẩm tra Dự toán*		*Gxd x 0,250%*	*7.134.279*	*571.721*	*7.706.000*
V	**Chi phí khác**	**Gk**		**19.086.635**	**0**	**19.086.000**
1	*Chi phí thẩm định báo cáo KTKT*	*Gk.4*	*TMĐT x 0,019%*	*665.000*		*665.000*
2	*Chi phí thẩm tra phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư*	*Gk.5*	*(TMĐT -DP)x 0,57%*	*18.421.635*		*18.421.000*
VI	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**		**1.633.636**	**163.364**	**1.797.000**
1	*Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh*	*Gdp.1*		*1.633.636*	*163.364*	*1.797.000*
	LÀM TRÒN	**Gtmdt**		**3.251.921.023**	**248.079.316**	**3.500.000.000**